

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học
chính quy, vừa làm vừa học
đợt 4, năm học 2022-2023 (tháng 7/2023)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 2004/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 2008/QĐ-ĐHHĐ ngày 06/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức; Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/06/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Biên bản họp ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên LT, VLVH đợt 4, năm học 2022-2023 (Tháng 7/2023);

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học cho 322 sinh viên. Trong đó, hình thức đào tạo chính quy là 231 sinh viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 91 sinh viên; tốt nghiệp loại xuất sắc có 01 sinh viên, tốt nghiệp loại giỏi có 59 sinh viên, tốt nghiệp loại khá có 247 sinh viên, tốt nghiệp loại trung bình 15 sinh viên (có danh sách kèm theo);

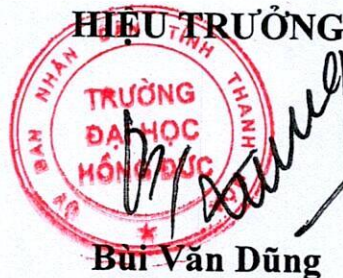
Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, GDTX. /

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LT, VL VH

Đợt 4, năm học 2022 - 2023 (Tháng 7 năm 2023)

(Kèm theo QĐ số 1795/QĐ-ĐHHD, ngày 04 tháng 7 năm 2023, của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
		A	Đại học Chính quy						
		I	Đại học Giáo dục Mầm non - cấp bằng Cử nhân Giáo dục Mầm non						
		1	Đại học Giáo dục Mầm non K24B (liên thông từ cao đẳng)						
1	1	1	217901C503	Nguyễn Thị Thanh Hà	13.03.1982	Nữ	Thanh Hóa	2.92	Khá
2	2	2	217901C505	Nguyễn Thị Thu Hiền	22.06.1999	Nữ	Thanh Hóa	3.57	Giỏi
3	3	3	217901C506	Nguyễn Thị Hiếu	10.03.1985	Nữ	Thanh Hóa	3.38	Giỏi
4	4	4	217901C509	Lê Thị Hồng	05.10.1993	Nữ	Thanh Hóa	3.17	Khá
5	5	5	217901C510	Đỗ Thị Huệ	15.10.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.13	Khá
6	6	6	217901C512	Lê Thị Hương	20.10.1985	Nữ	Thanh Hóa	2.79	Khá
7	7	7	217901C515	Trương Thị Liên	13.06.1996	Nữ	Thanh Hóa	2.98	Khá
8	8	8	217901C516	Trần Thị Diệu Linh	01.09.1997	Nữ	Thanh Hóa	2.59	Khá
9	9	9	217901C517	Trần Thị Linh	14.03.1994	Nữ	Thanh Hóa	3.07	Khá
10	10	10	217901C518	Nguyễn Thị Lý	06.10.1984	Nữ	Thanh Hóa	2.81	Khá
11	11	11	217901C519	Nguyễn Thị Nga	19.06.1997	Nữ	Thanh Hóa	3.35	Giỏi
12	12	12	217901C520	Mai Thị Nga	05.06.1980	Nữ	Thanh Hóa	2.99	Khá
13	13	13	217901C521	Nguyễn Thị Nghĩa	15.03.1982	Nữ	Thanh Hóa	2.91	Khá
14	14	14	217901C523	Nguyễn Thị Nhung	13.08.1991	Nữ	Thanh Hóa	3,00	Khá
15	15	15	217901C524	Hà Thị Phương	08.06.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi
16	16	16	217901C525	Quách Thị Sơn	16.08.1986	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi
17	17	17	217901C527	Nguyễn Thị Thanh	19.08.1982	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi
18	18	18	217901C528	Trần Thị Thảo	20.06.1987	Nữ	Thanh Hóa	2.92	Khá
19	19	19	217901C530	Nguyễn Thị Thơ	15.06.1982	Nữ	Thanh Hóa	3.15	Khá
20	20	20	217901C531	Bùi Thị Thương	09.06.1991	Nữ	Thanh Hóa	2.90	Khá
21	21	21	217901C532	Trần Huyền Trang	09.07.1997	Nữ	Thanh Hóa	3,00	Khá
22	22	22	217901C533	Nguyễn Thị Hà Trang	10.08.1994	Nữ	Thanh Hóa	3.09	Khá
23	23	23	217901C534	Tổng Thị Vân	04.08.1991	Nữ	Thanh Hóa	2.78	Khá
24	24	24	217901C535	Lê Thị Trường Xuân	07.09.1991	Nữ	Thanh Hóa	3.36	Giỏi
25	25	25	217901C536	Nguyễn Thị Yên	13.03.1996	Nữ	Thanh Hóa	2.71	Khá
26	26	26	217901C537	Hoàng Thị Yên	19.05.1984	Nữ	Thanh Hóa	3.18	Khá
27	27	27	217901C538	Lương Thị Hương	06.02.1998	Nữ	Thanh Hóa	3.06	Khá
28	28	28	217901C539	Phạm Thị Ngân	15.05.1983	Nữ	Thanh Hóa	3.32	Giỏi
		2	Đại học Giáo dục Mầm non K24B (liên thông từ đại học)						
29	29	1	217901D502	Nguyễn Thị Nga	26.07.1997	Nữ	Nghệ An	3.29	Giỏi
30	30	2	217901D505	Đỗ Thị Như	27.12.1997	Nữ	Thanh Hóa	3.35	Giỏi
31	31	3	217901D506	Đỗ Thị Quyên	14.10.1989	Nữ	Thanh Hóa	3.19	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
32	32	4	217901D507	Trần Thị Vi	20.11.1994	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi
		3	Đại học Giáo dục Mầm non K24B (liên thông từ trung cấp)						
33	33	1	217901T502	Lục Thị Dung	12.03.1996	Nữ	Thanh Hóa	3.43	Giỏi
34	34	2	217901T503	Phạm Thị Dung	15.06.1992	Nữ	Thanh Hóa	3.30	Giỏi
35	35	3	217901T504	Lô Thị Đào	29.06.1992	Nữ	Thanh Hóa	3.18	Khá
36	36	4	217901T505	Nguyễn Thị Hà	20.10.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.20	Giỏi
37	37	5	217901T506	Lương Thị Hà	06.08.1989	Nữ	Thanh Hóa	2.94	Khá
38	38	6	217901T507	Trương Thị Hào	16.09.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi
39	39	7	217901T508	Lê Thị Hằng	03.07.1997	Nữ	Thanh Hóa	3.25	Giỏi
40	40	8	217901T511	Lê Thị Huệ	20.11.1996	Nữ	Thanh Hóa	3.29	Giỏi
41	41	9	217901T512	Đỗ Thị Ngọc Lan	24.12.1984	Nữ	Phú Thọ	3.18	Khá
42	42	10	217901T513	Nguyễn Thị Lan	09.09.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.24	Giỏi
43	43	11	217901T514	Nguyễn Thị Diệu Linh	11.09.1995	Nữ	Thanh Hóa	3.20	Giỏi
44	44	12	217901T515	Phạm Thùy Linh	14.08.1992	Nữ	Thanh Hóa	3.35	Giỏi
45	45	13	217901T518	Hà Thị Nga	14.10.1992	Nữ	Thanh Hóa	3.19	Khá
46	46	14	217901T520	Phạm Thị Nghĩa	28.04.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá
47	47	15	217901T522	Bùi Thị Tâm	11.03.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.43	Giỏi
48	48	16	217901T524	Bùi Thị Thơ	25.03.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá
49	49	17	217901T525	Lê Thị Thùy	29.04.1991	Nữ	Thanh Hóa	3.23	Giỏi
50	50	18	217901T526	Nguyễn Thu Thùy	27.03.1995	Nữ	Thanh Hóa	3.32	Giỏi
51	51	19	217901T529	Phạm Thị Xuân	06.06.1994	Nữ	Thanh Hóa	2.99	Khá
52	52	20	217901T531	Trịnh Thị Hồng	05.06.1999	Nữ	Thanh Hóa	3.19	Khá
53	53	21	217901T532	Lò Thị Cam	03.03.1989	Nữ	Thanh Hóa	2.96	Khá
54	54	22	217901T533	Hoàng Thị Dung	06.12.1984	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá
55	55	23	217901T534	Lò Thị Duyên	20.09.1990	Nữ	Thanh Hóa	2.98	Khá
56	56	24	217901T536	Trịnh Thị Hồng	01.08.1994	Nữ	Thanh Hóa	3.20	Giỏi
57	57	25	217901T537	Lò Thị Khuê	29.11.1991	Nữ	Thanh Hóa	3.19	Khá
58	58	26	217901T538	Nguyễn Thị Minh	05.07.1985	Nữ	Thanh Hóa	2.93	Khá
59	59	27	217901T539	Hà Thị Nhi	20.02.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.05	Khá
60	60	28	217901T541	Nguyễn Thị Tám	01.12.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.03	Khá
61	61	29	217901T542	Vi Thị Tâm	21.11.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.12	Khá
62	62	30	217901T544	Lò Thu Thòa	20.07.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.13	Khá
63	63	31	217901T545	Ngô Thị Thùy Linh	12.11.1989	Nữ	Thanh Hóa	3.40	Giỏi
		II	Đại học Giáo dục Tiểu học - cấp bằng cử nhân Giáo dục Tiểu học						
		1	Đại học Giáo dục Tiểu học K23B (liên thông từ cao đẳng)						
64	1	1	207900C512	Phạm Thị Hồng Anh	02.02.1993	Nữ	Điện Biên	3.44	Giỏi
		2	Đại học Giáo dục Tiểu học K23C1 (liên thông từ cao đẳng)						
65	2	1	207900C720	Quách Thị Lịch	04.03.1993	Nữ	Thanh Hoá	2.99	Khá
		3	Đại học Giáo dục Tiểu học K24B1 (liên thông từ đại học)						
66	3	1	217900D525	Vũ Thị Quỳnh	15.10.1997	Nữ	Thanh Hoá	3.05	Khá
67	4	2	217900D532	Lê Thị Trang	26.02.1995	Nữ	Thanh Hoá	3.17	Khá
		III	Đại học Sư phạm Tiếng Anh - cấp bằng cử nhân SP Tiếng Anh						

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
		1	Đại học Sư phạm Tiếng Anh K23A (liên thông từ cao đẳng)						
68	1	1	207701C003	Vũ Thị Ngọc Bích	01.11.1978	Nữ	Thanh Hóa	2,61	Khá
		2	Đại học Sư phạm Tiếng Anh K24B (liên thông từ cao đẳng)						
69	2	1	217701C502	Hà Tầm Dương	10.04.1995	Nữ	Thanh Hóa	2.55	Khá
70	3	2	217701C501	Vũ Thị Duyên	20.10.1985	Nữ	Thanh Hóa	2.78	Khá
71	4	3	217701C503	Trương Thị Hoa	20.04.1998	Nữ	Thanh Hóa	2.51	Khá
72	5	4	217701C504	Lê Thị Huyền	03.09.1990	Nữ	Thanh Hóa	2.62	Khá
73	6	5	217701C505	Phạm Thị Khanh	10.10.1985	Nữ	Thanh Hóa	2.30	Trung bình
74	7	6	217701C506	Lê Ngọc Luyến	09.08.1986	Nam	Thanh Hóa	2.29	Trung bình
75	8	7	217701C507	Nguyễn Thục Nguyên	23.06.1981	Nữ	Thanh Hóa	2.76	Khá
76	9	8	217701C509	Phạm Quỳnh Như	05.09.1997	Nữ	Thanh Hóa	2.31	Trung bình
77	10	9	217701C508	Hoàng Thị Nhung	12.07.1987	Nữ	Thanh Hóa	2.86	Khá
78	11	10	217701C511	Quách Văn Thành	12.01.1991	Nam	Thanh Hóa	2.42	Trung Bình
79	12	11	217701C512	Lê Thị Hải Thuần	22.04.1984	Nữ	Phú Thọ	2.65	Khá
80	13	12	217701C510	Hoàng Thị Tú	19.06.1985	Nữ	Thanh Hóa	2.84	Khá
81	14	13	217701C513	Nguyễn Thị Vân	15.09.1976	Nữ	Thanh Hóa	2.19	Trung bình
82	15	14	217701C514	Lê Thị Xuân	20.09.1984	Nữ	Thanh Hóa	2.71	Khá
		3	Đại học Sư phạm Tiếng Anh K24B (liên thông từ đại học)						
83	16	1	217701D508	Trần Thị Yên	19.08.1998	Nữ	Thanh Hóa	3,33	Giỏi
		IV	Đại học Giáo dục thể chất - cấp bằng cử nhân Giáo dục thể chất						
		1	Đại học Giáo dục thể chất K23A (liên thông từ cao đẳng)						
84	1	1	207902C047	Trương Văn Tài	20.10.1979	Nam	Thanh Hóa	2,91	Khá
		2	Đại học Giáo dục thể chất K23A (liên thông từ trung cấp)						
85	2	1	207902T002	Cao Thị Hến	04.08.1978	Nữ	Thanh Hóa	2,34	Trung bình
		3	Đại học Giáo dục thể chất K23B (liên thông từ cao đẳng)						
86	3	1	207902C501	Nguyễn Thị Bình	20.10.1986	Nữ	Thanh Hóa	3,03	Khá
87	4	2	207902C503	Lê Trần Cường	02.09.1968	Nam	Thanh Hóa	3,14	Khá
88	5	3	207902C506	Trịnh Đạt Dũng	13.06.1978	Nam	Thanh Hóa	2,64	Khá
89	6	4	207902C507	Lưu Thị Giang	06.10.1983	Nữ	Thanh Hóa	2,92	Khá
90	7	5	207902C508	Nguyễn Thị Thu Hà	20.10.1972	Nữ	Thanh Hóa	2,96	Khá
91	8	6	207902C509	Trịnh Thị Hiền	23.10.1981	Nữ	Thanh Hóa	3,05	Khá
92	9	7	207902C510	Lê Trung Kiên	25.12.1981	Nam	Thanh Hóa	2,70	Khá
93	10	8	207902C512	Phạm Văn Nam	12.10.1979	Nam	Thanh Hóa	2,74	Khá
94	11	9	207902C514	Lê Viết Phong	22.12.1981	Nam	Thanh Hóa	2,87	Khá
95	12	10	207902C515	Trương Văn Tùng	10.02.1980	Nam	Thanh Hóa	3,05	Khá
96	13	11	207902C516	Lê Văn Thanh	15.05.1986	Nam	Thanh Hóa	2,96	Khá
97	14	12	207902C518	Nguyễn Văn Thuận	10.03.1981	Nam	Thanh Hóa	3,12	Khá
98	15	13	207902C519	Hà Đình Trường	10.11.1972	Nam	Thanh Hóa	2,60	Khá
		5	Đại học Giáo dục thể chất K23B (liên thông từ trung cấp)						
99	16	1	207902T501	Phạm Văn Cường	16.03.1980	Nam	Thanh Hóa	3,11	Khá
100	17	2	207902T502	Vũ Đình Duy	22.04.1985	Nam	Thanh Hóa	3,12	Khá
		6	Đại học Giáo dục thể chất K23C (liên thông từ cao đẳng)						

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
101	18	1	207902C700	Phạm Ngọc Cương	11.10.1984	Nam	Thanh Hóa	2,58	Khá
102	19	2	207902C701	Phạm Tiến Dũng	10.02.1980	Nam	Thanh Hóa	2,63	Khá
103	20	3	207902C702	Hoàng Văn Dương	30.06.1991	Nam	Ninh Bình	2,78	Khá
104	21	4	207902C703	Hoàng Văn Đào	16.03.1976	Nam	Thanh Hóa	2,66	Khá
105	22	5	207902C704	Vũ Thị Hoa	12.11.1984	Nữ	Tuyên Quang	2,83	Khá
106	23	6	207902C705	Nguyễn Văn Hòa	01.01.1984	Nam	Thanh Hóa	2,86	Khá
107	24	7	207902C706	Đỗ Thị Huệ	28.01.1974	Nữ	Thanh Hóa	2,40	Trung bình
108	25	8	207902C707	Vũ Tuấn Hùng	15.12.1976	Nam	Thanh Hóa	2,84	Khá
109	26	9	207902C708	Trần Văn Hưng	11.06.1979	Nam	Thanh Hóa	3,00	Khá
110	27	10	207902C710	Trần Đình Lập	09.06.1988	Nam	Thanh Hóa	2,55	Khá
111	28	11	207902C711	Lưu Thành Long	15.09.1977	Nam	Thanh Hóa	2,79	Khá
112	29	12	207902C712	Trịnh Hùng Long	03.09.1978	Nam	Thanh Hóa	2,98	Khá
113	30	13	207902C713	Nguyễn Thị Mai	23.11.1988	Nữ	Thái Bình	3,27	Giỏi
114	31	14	207902C715	Phạm Đức Nghĩa	01.11.1978	Nam	Thanh Hóa	2,75	Khá
115	32	15	207902C716	Lê Phi Nguyên	13.08.1980	Nam	Thanh Hóa	2,48	Trung bình
116	33	16	207902C717	Yên Hùng Phương	06.02.1971	Nam	Thanh Hóa	2,81	Khá
117	34	17	207902C718	Nguyễn Văn Quyết	10.07.1980	Nam	Thanh Hóa	2,69	Khá
118	35	18	207902C719	Vũ Thị Tính	02.10.1984	Nữ	Thanh Hóa	2,70	Khá
119	36	19	207902C720	Bùi Thị Tình	20.02.1983	Nữ	Thanh Hóa	2,81	Khá
120	37	20	207902C721	Trịnh Văn Tuyên	10.04.1980	Nam	Thanh Hóa	2,67	Khá
121	38	21	207902C722	Lương Văn Thìn	12.10.1978	Nam	Thanh Hóa	2,92	Khá
122	39	22	207902C724	Lê Thị Thu	04.07.1981	Nữ	Ninh Bình	3,08	Khá
123	40	23	207902C725	Lê Đức Thuận	02.06.1980	Nam	Thanh Hóa	2,36	Trung bình
124	41	24	207902C726	Trần Văn Thuyền	20.03.1979	Nam	Thanh Hóa	2,93	Khá
125	42	25	207902C727	Ngô Thị Trâm	08.02.1991	Nữ	Thanh Hóa	2,97	Khá
		7	Đại học Giáo dục thể chất K23C (liên thông từ trung cấp)						
126	43	1	207902T700	Lê Xuân Hiền	23.02.1983	Nam	Thanh Hóa	2,93	Khá
127	44	2	207902T703	Đỗ Xuân Minh	20.10.1981	Nam	Thanh Hóa	2,26	Trung bình
128	45	3	207902T704	Lê Văn Nam	20.07.1982	Nam	Thanh Hóa	2,23	Trung bình
		V	Đại học Kế toán - cấp bằng cử nhân Kế toán						
		1	Đại học Kế toán K23A (liên thông từ cao đẳng)						
129	1	1	207401C017	Trịnh Bách Thiện	20.06.1994	Nam	Thanh Hóa	3,50	Giỏi
		2	Đại học Kế toán K23C (liên thông từ cao đẳng)						
130	2	1	207401C705	Phạm Thị Tuyết	28.02.1987	Nữ	Thanh Hóa	3,08	Khá
131	3	2	207401C706	Nguyễn Thế Tường	17.09.1985	Nam	Thanh Hóa	3,11	Khá
		3	Đại học Kế toán K24B (liên thông từ cao đẳng)						
132	4	1	217401C505	Lê Thị Giang	12.03.1993	Nữ	Thanh Hóa	2,94	Khá
		VI	Đại học Quản trị kinh doanh - cấp bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh						
		1	Đại học Quản trị kinh doanh K22B (liên thông từ cao đẳng)						
133	1	1	197402C501	Đỗ Minh Đạt	29.04.1997	Nam	Thanh Hóa	2,90	Khá
134	2	2	197402C505	Hoàng Phương Lý	19.11.1991	Nữ	Thanh Hóa	3,21	Giỏi
135	3	3	197402C506	Dương Thị Nga	13.02.1991	Nữ	Thanh Hóa	3,05	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
136	4	4	197402C507	Lê Bá Tạo	16.09.1984	Nam	Thanh Hóa	2,86	Khá
		VII	Đại học Tài chính Ngân hàng - cấp bằng cử nhân Tài chính ngân hàng						
		1	Đại học Tài chính ngân hàng K24B (liên thông từ đại học)						
137	1	1	217403D507	Hoàng Thị Thanh Anh	09.06.1986	Nữ	Thanh Hóa	3.31	Giỏi
138	2	2	217403D513	Hà Anh Dũng	25.10.1978	Nam	Thanh Hóa	2.82	Khá
139	3	3	217403D517	Đỗ Thị Hồng Hạnh	01.05.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.03	Khá
140	4	4	217403D519	Lê Thị Hiền	10.07.1980	Nữ	Thanh Hóa	2.94	Khá
141	5	5	217403D527	Bùi Thị Hồng	11.11.1981	Nữ	Thanh Hóa	3.13	Khá
142	6	6	217403D529	Bùi Thị Huệ	25.03.1982	Nữ	Thanh Hóa	2.56	Khá
143	7	7	217403D530	Lê Mạnh Hùng	05.06.1986	Nam	Thanh Hóa	3.19	Khá
144	8	8	217403D532	Nguyễn Quang Hưng	12.10.1978	Nam	Thanh Hóa	3.22	Giỏi
145	9	9	217403D533	Hoàng Thị Liên	23.09.1983	Nữ	Thanh Hóa	3.17	Khá
146	10	10	217403D537	Mai Thị Mỹ	15.10.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.10	Khá
147	11	11	217403D538	Đỗ Hoài Nam	15.06.1975	Nam	Thanh Hóa	3.29	Giỏi
148	12	12	217403D541	Đỗ Tất Nguyên	24.12.1986	Nam	Thanh Hóa	3.01	Khá
149	13	13	217403D543	Lê Hoài Nhơn	10.10.1979	Nam	Thanh Hóa	3.03	Khá
150	14	14	217403D547	Lê Thanh Sơn	19.12.1980	Nam	Thanh Hóa	2.78	Khá
151	15	15	217403D548	Phan Văn Sụ	19.11.1986	Nam	Thanh Hóa	2.84	Khá
152	16	16	217403D549	Nguyễn Việt Tiệp	20.01.1980	Nam	Thanh Hóa	3.15	Khá
153	17	17	217403D561	Đỗ Thị Thịnh	21.04.1979	Nữ	Thanh Hóa	3.01	Khá
154	18	18	217403D562	Mai Thị Thơ	01.07.1988	Nữ	Thanh Hóa	3.02	Khá
155	19	19	217403D550	Lê Văn Tịnh	10.04.1977	Nam	Thanh Hóa	2.97	Khá
156	20	20	217403D551	Nguyễn Văn Tú	10.06.1987	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá
157	21	21	217403D553	Phan Doãn Tuấn	10.09.1977	Nam	Thanh Hóa	2.76	Khá
158	22	22	217403D554	Nguyễn Văn Tùng	12.11.1987	Nam	Thanh Hóa	2.50	Khá
159	23	23	217403D563	Nguyễn Thị Thủy	02.09.1981	Nữ	Thanh Hóa	2.80	Khá
160	24	24	217403D565	Nguyễn Tài Thức	16.08.1985	Nam	Thanh Hóa	2.70	Khá
		VIII	Đại học Kỹ thuật xây dựng - cấp bằng Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng						
		1	Đại học Kỹ thuật xây dựng K24B (liên thông từ cao đẳng)						
161	1	1	217107C508	Lê Văn Vương	05.09.1990	Nam	Thanh Hóa	2,91	Khá
		2	Đại học Kỹ thuật xây dựng K24B (liên thông từ đại học)						
162	2	1	217107D501	Trương Công Hoàng	03.02.1990	Nam	Thanh Hóa	2,88	Khá
163	3	2	217107D504	Mai Văn Phụng	14.04.1986	Nam	Thanh Hóa	2,83	Khá
164	4	3	217107D508	Trịnh Toàn Thắng	26.12.1994	Nam	Thanh Hóa	2,46	Trung bình
		IX	Đại học Kỹ thuật điện - cấp bằng Kỹ sư Kỹ thuật điện						
		1	Đại học Kỹ thuật điện K23A (liên thông từ cao đẳng)						
165	1	1	207203C004	Hoàng Đức Hải	01.08.1981	Nam	Thanh Hóa	2,90	Khá
166	2	2	207203C005	Dương Thị Hiền	17.06.1986	Nữ	Thanh Hóa	3,00	Khá
167	3	3	207203C007	Nguyễn Hữu Sinh	20.06.1988	Nam	Thanh Hóa	2,78	Khá
		2	Đại học Kỹ thuật điện K23A (liên thông từ trung cấp)						
168	4	1	207203T501	Lê Văn Dũng	20.11.1993	Nam	Thanh Hóa	2,97	Khá
169	5	2	207203T503	Lương Tú Long	06.04.1986	Nam	Thanh Hóa	2,94	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
		3	Đại học Kỹ thuật điện K24C (liên thông từ cao đẳng)						
170	6	1	217203C600	Lê Tuấn Anh	16.12.1996	Nam	Thanh Hóa	2,75	Khá
171	7	2	217203C602	Nguyễn Tiến Dũng	10.10.1995	Nam	Thanh Hóa	2,92	Khá
172	8	3	217203C604	Lê Sỹ Long	31.08.1987	Nam	Thanh Hóa	2,77	Khá
173	9	4	217203C605	Nguyễn Thị Nhung	20.11.1989	Nữ	Thanh Hóa	2,85	Khá
174	10	5	217203C607	Lê Thị Xinh	14.01.1987	Nữ	Thanh Hóa	3,02	Khá
		4	Đại học Kỹ thuật điện K24C (liên thông từ đại học)						
175	11	1	217203D600	Lê Thị Ái	10.09.1983	Nữ	Thanh Hóa	3,13	Khá
176	12	2	217203D601	Tào Minh Đức	25.12.1979	Nam	Thanh Hóa	3,02	Khá
177	13	3	217203D603	Đặng Thị Diệu Linh	12.11.1991	Nữ	Thanh Hóa	3,26	Giỏi
178	14	4	217203D604	Vũ Phương Mai	18.04.1991	Nữ	Thanh Hóa	2,93	Khá
		5	Đại học Kỹ thuật điện K24C (liên thông từ trung cấp)						
179	15	1	217203T600	Lê Trạc Đạt	17.03.1996	Nam	Thanh Hóa	2,98	Khá
180	16	2	217203T601	Nguyễn Văn Đức	02.09.1990	Nam	Thanh Hóa	3,17	Khá
181	17	3	217203T602	Nguyễn Ngọc Hiếu	30.04.1990	Nam	Thanh Hóa	3,23	Giỏi
182	18	4	217203T603	Vũ Thanh Tuấn	10.11.1982	Nam	Thanh Hóa	3,21	Giỏi
		X	Đại học Nông học - cấp bằng kỹ sư Nông học						
		1	Đại học Nông học K23A (liên thông từ cao đẳng)						
183	1	1	207305C004	Bùi Văn Thân	14.06.1978	Nam	Thanh Hoá	2.85	Khá
		XI	Đại học Công nghệ thông tin - cấp bằng cử nhân công nghệ thông tin						
		1	Đại học Công nghệ thông tin K22D (liên thông từ cao đẳng)						
184	1	1	197103C811	Đinh Xuân Tùng	03.08.1992	Nam	Thanh Hoá	2.43	Trung bình
		2	Đại học Công nghệ thông tin K24B (liên thông từ cao đẳng)						
185	2	1	217103T505	Ngô Quang Trường	14.09.1998	Nam	Thanh Hoá	2.74	Khá
		XII	Đại học Luật - cấp bằng cử nhân Luật						
		1	Đại học Luật K22D (liên thông từ trung cấp)						
186	1	1	197801T803	Trương Ngọc Ánh	26.12.1989	Nam	Thanh Hoá	2.96	Khá
187	2	2	197801T805	Nguyễn Kiên Cường	25.07.1987	Nam	Thanh Hoá	2.79	Khá
188	3	3	197801T806	Hoàng Văn Diễm	01.05.1984	Nam	Hưng Yên	2.77	Khá
189	4	4	197801T808	Tạ Bá Duy	27.04.1986	Nam	Tuyên Quang	2.77	Khá
190	5	5	197801T809	Ngọc Văn Đồng	14.02.1987	Nam	Bắc Giang	2.95	Khá
191	6	6	197801T810	Lê Thanh Hải	18.04.1990	Nam	Thanh Hoá	2.98	Khá
192	7	7	197801T812	Phạm Văn Hải	06.05.1989	Nam	Thanh Hoá	2.83	Khá
193	8	8	197801T813	Lê Văn Hiễn	17.10.1993	Nam	Thanh Hoá	2.82	Khá
194	9	9	197801T817	Nguyễn Ngọc Huân	18.10.1986	Nam	Thanh Hoá	2.96	Khá
195	10	10	197801T818	Phan Bá Hùng	07.02.1992	Nam	Thanh Hoá	2.79	Khá
196	11	11	197801T819	Phạm Ngọc Huyền	09.04.1986	Nam	Thái Bình	2.81	Khá
197	12	12	197801T820	Trần Thị Huyền	15.11.1988	Nữ	Thanh Hoá	2.97	Khá
198	13	13	197801T825	Nguyễn Văn Linh	10.08.1987	Nam	Thanh Hoá	2.74	Khá
199	14	14	197801T828	Ngô Thanh Long	28.08.1992	Nam	Thanh Hoá	3.00	Khá
200	15	15	197801T829	Lê Thị Lợi	15.12.1991	Nữ	Thanh Hoá	2.89	Khá
201	16	16	197801T830	Lê Ngọc Mùi	10.10.1991	Nam	Thanh Hoá	2.89	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
202	17	17	197801T831	Lê Đình Nam	18.06.1991	Nam	Thanh Hoá	2.89	Khá
203	18	18	197801T834	Trương Tiến Sỹ	07.03.1989	Nam	Thanh Hoá	2.99	Khá
204	19	19	197801T837	Trần Thị Tình	20.04.1982	Nữ	Thanh Hoá	3.16	Khá
205	20	20	197801T838	Nguyễn Văn Tùng	07.05.1992	Nam	Thanh Hoá	2.98	Khá
206	21	21	197801T841	Nguyễn Trường Thắng	07.08.1986	Nam	Thanh Hoá	2.95	Khá
207	22	22	197801T842	Vũ Thái Thụy	12.10.1984	Nam	Thái Bình	3.02	Khá
208	23	23	197801T843	Trần Huyền Trang	30.10.1987	Nữ	Thanh Hoá	2.95	Khá
		2	Đại học Luật K23B (liên thông từ đại học)						
209	24	1	207801Đ509	Nguyễn Thị Thu Hà	30.10.1988	Nữ	Thanh Hóa	3.21	Giỏi
210	25	2	207801Đ524	Đỗ Ngọc Long	20.07.1985	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá
211	26	3	207801Đ531	Lại Thị Ngọc	12.02.1995	Nữ	Thanh Hóa	2.98	Khá
212	27	4	207801Đ541	Nguyễn Thanh Tùng	06.03.1984	Nam	Thanh Hóa	2.88	Khá
		3	Đại học Luật K23C (liên thông từ đại học)						
213	28	1	207801D743	Lê Thị Trâm	05.10.1981	Nữ	Thanh Hóa	3.26	Giỏi
		4	Đại học Luật K24B (liên thông từ đại học)						
214	29	1	217801D516	Lê Tiến Luân	10.05.1989	Nam	Thanh Hóa	3.22	Giỏi
215	30	2	217801D530	Lê Thị Vân	15.10.1986	Nữ	Thanh Hóa	3.05	Khá
		5	Đại học Luật K24B (liên thông từ trung cấp)						
216	31	1	217801T503	Nguyễn Thế Hải	22.09.1988	Nam	Thanh Hóa	2.91	Khá
		6	Đại học Luật K24C (liên thông từ cao đẳng)						
217	32	1	217801C600	Nguyễn Hữu Nam	11.11.1992	Nam	Thanh Hóa	2.96	Khá
218	33	2	217801C603	Nguyễn Thị Thùy	05.10.1991	Nữ	Thanh Hóa	3.07	Khá
		7	Đại học Luật K24C (liên thông từ đại học)						
219	34	1	217801D603	Lê Văn Ánh	06.04.1987	Nam	Thanh Hóa	2.92	Khá
220	35	2	217801D604	Lê Văn Cường	10.10.1976	Nam	Thanh Hóa	3.10	Khá
221	36	3	217801D605	Chung Văn Chí	02.09.1986	Nam	Thanh Hóa	2.95	Khá
222	37	4	217801D607	Trần Thị Chuyên	20.06.1989	Nữ	Thanh Hóa	3.02	Khá
223	38	5	217801D609	Phạm Thị Duyên	08.03.1985	Nữ	Thanh Hóa	3.17	Khá
224	39	6	217801D611	Nguyễn Thị Hằng	10.09.1993	Nữ	Thanh Hóa	3.11	Khá
225	40	7	217801D612	Lê Thị Hòa	03.03.1987	Nữ	Thanh Hóa	3.03	Khá
226	41	8	217801D613	Lê Thị Thu Huệ	10.09.1986	Nữ	Thanh Hóa	3.70	Xuất sắc
227	42	9	217801D614	Nguyễn Duy Khải	03.10.1987	Nam	Thanh Hóa	3.02	Khá
228	43	10	217801D616	Lê Thị Mai	26.09.1986	Nữ	Thanh Hóa	3.33	Giỏi
229	44	11	217801D622	Lê Thị Tuyết	12.06.1975	Nữ	Thanh Hóa	2.91	Khá
230	45	12	217801D623	Lê Văn Thụ	18.05.1986	Nam	Thanh Hóa	2.92	Khá
231	46	13	217801D625	Nguyễn Thị Thu Trang	25.01.1984	Nữ	Thanh Hóa	3.02	Khá
		B	Hình thức đào tạo vừa làm vừa học						
		I	Đại học Giáo dục Mầm non - cấp bằng Cử nhân Giáo dục Mầm non						
		1	Đại học Giáo dục Mầm non K24C2 (liên thông từ cao đẳng)						
232	1	1	218901C622	Hoàng Thị Hoa	23.05.1980	Nữ	Hà Giang	2.88	Khá
233	2	2	218901C631	Vàng Thị Liên	15.02.1982	Nữ	Hà Giang	2.71	Khá
234	3	3	218901C633	Nguyễn Thị Hằng Nga	13.10.1997	Nữ	Phú Thọ	3.20	Giỏi

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
235	4	4	218901C636	Lênh Thị Nhiệm	02.03.1982	Nữ	Hà Giang	2.85	Khá
236	5	5	218901C641	Vương Thị Seo	08.10.1981	Nữ	Tuyên Quang	2.89	Khá
		II	Đại học Giáo dục Tiểu học - cấp bằng cử nhân Giáo dục Tiểu học						
		1	Đại học Giáo dục Tiểu học K24A (liên thông từ trung cấp)						
237	1	1	218900T014	Nguyễn Thị Vân	16.05.1991	Nữ	Hải Dương	3.13	Khá
		2	Đại học Giáo dục Tiểu học K24B1 (liên thông từ trung cấp)						
238	2	1	218900T501	Lê Thị Đào	25.03.1972	Nữ	Thanh Hóa	2.77	Khá
239	3	2	218900T512	Lục Thị Duyên	27.02.1994	Nữ	Thanh Hóa	3.15	Khá
240	4	3	218900T502	Lê Thị Hà	02.10.1971	Nữ	Thanh Hóa	2.70	Khá
241	5	4	218900T503	Lang Văn Khánh	10.10.1983	Nam	Thanh Hóa	2.50	Khá
242	6	5	218900T504	Đinh Thị Linh	12.09.1989	Nữ	Thanh Hóa	3.20	Giỏi
243	7	6	218900T505	Lương Thị Nga	17.12.1981	Nữ	Thanh Hóa	2.41	Trung bình
244	8	7	218900T506	Bùi Bích Ngọc	26.02.1997	Nữ	Thanh Hóa	2.97	Khá
245	9	8	218900T507	Hoàng Văn Thái	20.08.1968	Nam	Thanh Hóa	2.60	Khá
246	10	9	218900T508	Bùi Thị Thi	19.06.1988	Nữ	Phú Thọ	2.50	Khá
247	11	10	218900T509	Tần Thị Thiệp	05.03.1996	Nữ	Hà Tĩnh	3.15	Khá
248	12	11	218900T510	Tô Thị Thoa	10.10.1981	Nữ	Thanh Hóa	2.45	Trung bình
		3	Đại học Giáo dục Tiểu học K24C1 (liên thông từ cao đẳng)						
249	13	1	218900C616	Trần Thị Miên	28.09.1996	Nữ	Nam Định	3.50	Giỏi
		4	Đại học Giáo dục Tiểu học K24C2 (liên thông từ cao đẳng)						
250	14	1	218900C637	Nguyễn Thị Giang	23.06.1978	Nữ	Sơn La	3.15	Khá
251	15	2	218900C651	Bạch Tân Hùng	20.04.1977	Nam	Lào Cai	2.83	Khá
252	16	3	218900C655	Thàng Thị Hương	30.04.1981	Nữ	Lào Cai	2.94	Khá
253	17	4	218900C658	Hoàng Thị Hường	22.09.1978	Nữ	Sơn La	2.98	Khá
254	18	5	218900C664	Vương Thị Loan	03.08.1986	Nữ	Lào Cai	3.11	Khá
255	19	6	218900C668	Nguyễn Thị Mai	01.03.1993	Nữ	Phú Thọ	2.96	Khá
256	20	7	218900C684	Phạm Thị Tuyết	05.06.1977	Nữ	Lào Cai	2.88	Khá
257	21	8	218900C685	Nguyễn Thị Tươi	15.03.1978	Nữ	Sơn La	3.09	Khá
258	22	9	218900C687	Ngô Thị Thanh	10.05.1986	Nữ	Hà Nội	3.34	Giỏi
259	23	10	218900C689	Lường Thị Thanh	11.04.1980	Nữ	Sơn La	3.25	Giỏi
260	24	11	218900C702	Lục Thị Yên	26.04.1977	Nữ	Lào Cai	3.08	Khá
261	25	12	218900D635	Nguyễn Thị Hà	29.03.1993	Nữ	Phú Thọ	3.26	Giỏi
262	26	13	218900D636	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	30.08.1990	Nữ	Vĩnh Phúc	3.16	Khá
		5	Đại học Giáo dục Tiểu học K24C3 (liên thông từ cao đẳng)						
263	27	1	218900C705	Phương Thị Biên	10.01.1973	Nữ	Hà Nội	3.03	Khá
264	28	2	218900C706	Cao Thị Thu Cúc	05.08.1972	Nữ	Hà Nội	3.10	Khá
265	29	3	218900C713	Vũ Thị Thu Hằng	15.06.1974	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá
266	30	4	218900C716	Hoàng Thị Hoa	07.08.1971	Nữ	Hưng Yên	3.09	Khá
267	31	5	218900C719	Nguyễn Thị Thu Hương	18.08.1973	Nữ	Hà Nội	2.90	Khá
268	32	6	218900C724	Âu Thị Kim Lê	18.09.1972	Nữ	Hà Nội	3.43	Giỏi
269	33	7	218900C727	Trần Thị Hồng Minh	18.10.1984	Nữ	Hưng Yên	3.26	Giỏi
270	34	8	218900C729	Đỗ Thị Nguyệt	09.01.1978	Nữ	Sơn La	3.10	Khá

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
271	35	9	218900C731	Bùi Thị Bích	Quyên	08.11.1975	Nữ	Hà Nội	2.88	Khá
272	36	10	218900C732	Đỗ Thị	Toán	21.04.1971	Nữ	Hà Nội	3.16	Khá
273	37	11	218900C733	Nguyễn Thị Thanh	Tú	12.03.1985	Nữ	Hà Nội	3,31	Giỏi
274	38	12	218900C796	Đào Mai	Anh	11.11.1977	Nữ	Hà Nội	2.83	Khá
275	39	13	218900D651	Nguyễn Thị	Hường	27.05.1994	Nữ	Hà Nội	3.19	Khá
276	40	14	218900D655	Nguyễn Thị	Ngọc	27.11.1996	Nữ	Hà Nội	3.11	Khá
277	41	15	218900D664	Đặng Thị	Xuyến	20.09.1982	Nữ	Hà Nội	3.18	Khá
278	42	16	218900D667	Bùi Thị	Hoa	24.10.1993	Nữ	Ninh Bình	3.13	Khá
		6	Đại học Giáo dục Tiểu học K24C1 (liên thông từ đại học)							
279	43	1	218900D610	Lê Hồng	Hạnh	31.08.1998	Nữ	Thanh Hoá	3.25	Giỏi
280	44	2	218900D621	Cao Thị	Nhàn	02.12.1992	Nữ	Thanh Hoá	3.28	Giỏi
281	45	3	218900D613	Đỗ Thị	Hậu	10.08.1996	Nữ	Thanh Hoá	3.42	Giỏi
282	46	4	218900D617	Trần Thị	Lý	20.11.1976	Nữ	Thanh Hoá	2.98	Khá
283	47	5	218900D633	Bùi Thị	Vĩnh	15.10.1985	Nữ	Thanh Hoá	3.43	Giỏi
		III	Đại học Giáo dục Thể chất - cấp bằng cử nhân Giáo dục Thể chất							
		1	Đại học Giáo dục Thể chất K24C2 (liên thông từ cao đẳng)							
284	1	1	218902C604	Nguyễn Việt	Bắc	19.07.1984	Nam	Yên Bái	3.00	Khá
285	2	2	218902C611	Pào Văn	Giảng	20.12.1975	Nam	Hà Giang	3.02	Khá
286	3	3	218902C618	Hà Phúc	Hiếu	25.11.1986	Nam	Hà Giang	3.48	Giỏi
287	4	4	218902C624	Nguyễn Thanh	Hưng	11.11.1982	Nam	Hà Giang	2.98	Khá
288	5	5	218902C631	Vũ Hoài	Nam	07.03.1983	Nam	Yên Bái	2.99	Khá
289	6	6	218902C641	Ngô Thị Thanh	Tâm	26.06.1984	Nữ	Phú Thọ	3.12	Khá
290	7	7	218902C644	Phan Văn	Tiến	14.12.1985	Nam	Hà Giang	3.02	Khá
291	8	8	218902C645	Nguyễn Hồng	Toàn	04.09.1986	Nam	Yên Bái	3.19	Khá
292	9	9	218902C647	Mai Văn	Tuấn	16.05.1988	Nam	Yên Bái	3.16	Khá
293	10	10	218902C655	Đình Quang	Thiêm	08.11.1980	Nam	Phú Thọ	3.20	Giỏi
294	11	11	218902C660	Lê Thị Thùy	Yên	22.06.1984	Nữ	Hưng Yên	2.98	Khá
		IV	Đại học Sư phạm Tiếng Anh - cấp bằng cử nhân SP Tiếng Anh							
		1	Đại học Sư phạm Tiếng Anh K24B (liên thông từ cao đẳng)							
295	1	1	218701C501	Nguyễn Thị Vân	Anh	28.01.1978	Nữ	TP Hà Nội	2.91	Khá
296	2	2	218701D501	Chu Thị Thanh	Bình	04.04.1980	Nữ	TP Hà Nội	2.71	Khá
297	3	3	218701C502	Lê Thị	Huyền	11.02.1980	Nữ	Thanh Hóa	2.76	Khá
298	4	4	218701C503	Chu Thị	Xuân	13.04.1979	Nữ	TP Hà Nội	2.68	Khá
299	4	5	218701C504	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	14.01.1970	Nữ	TP Hà Nội	2.74	Khá
300	4	6	218701C505	Tạ Thị Thuận	Yến	29.11.1975	Nữ	TP Hà Nội	2.63	Khá
		V	Đại học Ngôn ngữ Anh - cấp bằng cử nhân Ngôn ngữ Anh							
		1	Đại học Ngôn ngữ Anh K23A (từ THPT)							
301	1	1	208702P001	Đậu Thị	Bình	26.06.1982	Nữ	Thanh Hóa	3.14	Khá
302	2	2	208702P002	Trịnh Linh	Chi	08.01.1993	Nữ	Thanh Hóa	2.96	Khá
303	3	3	208702P005	Trịnh Văn	Đông	20.12.1992	Nam	Thanh Hóa	2.88	Khá
304	4	4	208702P006	Hồ Thị Hương	Giang	17.07.1982	Nữ	Thanh Hóa	3.32	Giỏi
305	5	5	208702P007	Lê Ngọc	Hải	09.01.1973	Nam	Thanh Hóa	3.36	Giỏi

TT	TT ngành	TT lớp	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN
306	6	6	208702P011	Tô Thị Thu Hiền	05.01.1990	Nữ	Thanh Hóa	3.05	Khá
307	7	7	208702P012	Lê Trọng Huân	20.09.1993	Nam	Thanh Hóa	3.26	Giỏi
308	8	8	208702P014	Cao Trung Kiên	03.02.1981	Nam	Thanh Hóa	2.90	Khá
309	9	9	208702P015	Lê Ngọc Long	30.01.1975	Nam	Thanh Hóa	2.99	Khá
310	10	10	208702P016	Lê Doãn Anh Minh	18.11.1994	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá
311	11	11	208702P017	Khương Văn Nam	16.10.1986	Nam	Thanh Hóa	2.99	Khá
312	12	12	208702P020	Hứa Thị Phụng	06.08.1981	Nữ	Thanh Hóa	3.06	Khá
313	13	13	208702P024	Hoàng Vũ Tuyền	23.07.1980	Nam	Thanh Hóa	2.75	Khá
		VI	Đại học Luật - cấp bằng cử nhân Luật						
		1	Đại học Luật K19B (từ THPT)						
314	1	1	168801P550	Nguyễn Khắc Văn	16.07.1992	Nam	Thanh Hóa	2.80	Khá
		2	Đại học Luật K20A (từ THPT)						
315	2	1	178801P034	Trương Văn Lực	04.04.1989	Nam	Thanh Hóa	2.63	Khá
		VII	Đại học Kế toán - cấp bằng cử nhân Kế toán						
		1	Đại học Kế toán K24C (liên thông từ cao đẳng)						
316	1	1	218401C606	Lê Thị Hồng	07.10.1999	Nữ	Thanh Hóa	2.75	Khá
317	2	2	218401C613	Nguyễn Thị Mai	22.07.1991	Nữ	Thanh Hóa	3,05	Khá
318	3	3	218401C617	Lê Thị Thùy	20.06.1988	Nữ	Thanh Hóa	3,04	Khá
319	4	4	218401C616	Cầm Thị Thoa	01.06.1992	Nữ	Thanh Hóa	2,74	Khá
320	5	5	218401D600	Trịnh Thị Bích	19.09.1981	Nữ	Thanh Hóa	3,21	Giỏi
321	6	6	218401D605	La Thị Lan	10.10.1982	Nữ	Thanh Hóa	3,17	Khá
322	7	7	218401D609	Trịnh Thị Loan	10.03.1991	Nữ	Ninh Bình	2,98	Khá

(Ấn định danh sách gồm 322 sinh viên)

Ghi chú:

- Xếp loại Xuất sắc: 01 sinh viên (chiếm 0,31 %)
- Xếp loại Giỏi: 59 sinh viên (chiếm 18,32%)
- Xếp loại Khá: 247 sinh viên (chiếm 76,71%)
- Xếp loại Trung bình: 15 sinh viên (chiếm 4,66%)

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học vừa làm vừa học
bổ sung đợt 4, năm học 2022-2023 (tháng 7/2023)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/06/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Biên bản họp ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên LT, VLVH bổ sung đợt 4, năm học 2022-2023 (Tháng 7/2023);

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học, hình thức đào tạo vừa làm vừa học cho 11 sinh viên. Trong đó, tốt nghiệp loại giỏi có 6 sinh viên, tốt nghiệp loại khá có 5 sinh viên (có danh sách kèm theo);

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, GDTX. *le*

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC LT, VLVH
Bổ sung Đợt 4, năm học 2022 - 2023 (Tháng 7 năm 2023)

(Kèm theo QĐ số 1871/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 7 năm 2023, của Hiệu trưởng Trường ĐHHD)

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBC học tập toàn khoá	Xếp loại TN	Ghi chú
I	Lớp Đại học Giáo dục Mầm non K24C2 (liên thông từ trung cấp, hình thức đào tạo vừa làm vừa học) - cấp bằng Cử nhân Giáo dục Mầm non							
1	218901T614	Đặng Thị Lan Anh	12.10.1993	Nữ	Vĩnh Phúc	3.11	Khá	
2	218901T616	Trần Thị Dung	30.12.1992	Nữ	Vĩnh Phúc	3.23	Giỏi	
3	218901T617	Triệu Thị Dung	04.10.1991	Nữ	Vĩnh Phúc	3.09	Khá	
4	218901T621	Hà Thị Đình	04.10.1991	Nữ	Phú Thọ	2.98	Khá	
5	218901T626	Vũ Thị Huyền	26.08.1987	Nữ	Phú Thọ	3.29	Giỏi	
6	218901T628	Bùi Thị Diễm Hương	05.03.1995	Nữ	Vĩnh Phúc	3.22	Giỏi	
7	218901T634	Hà Thị Hồng Nhung	18.02.1993	Nữ	Phú Thọ	2.98	Khá	
8	218901T635	Cao Thanh Phương	10.07.1994	Nữ	Vĩnh Phúc	3.39	Giỏi	
9	218901T642	Đặng Thị Thúy	25.10.1993	Nữ	Vĩnh Phúc	3.31	Giỏi	
10	218901T643	Nguyễn Thu Trang	15.01.1986	Nữ	Vĩnh Phú	3.33	Giỏi	
11	218901T647	Phan Thị Hải Yến	20.01.1994	Nữ	Phú Thọ	3.18	Khá	

(Ấn định danh sách gồm 11 sinh viên)

- Ghi chú:**
- Số sinh viên xếp loại Giỏi: 06 sinh viên (chiếm 54,5%)
 - Số sinh viên xếp loại Khá: 05 sinh viên (chiếm 45,5%)

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
HỒNG ĐỨC
Bùi Văn Dũng